

CURRENT SITUATION OF KNOWLEDGE ABOUT PREVENTING INJURIES OF THE PEOPLE IN 2 COMMUNES OF VU THU DISTRICT, THAI BINH PROVINCE, IN 2024

Tran Thi Khanh Huyen*, Mach Thi Lan Anh, Pham Thi Thao Vy,
Hoang Phuc Hieu, Hoang Thi Thuy Trang, Lee Je Jin, Dang Thi Van Quy

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - 373 Ly Bon, Tran Lam Ward, Hung Yen Province, Vietnam

Received: 30/05/2025

Revised: 19/06/2025; Accepted: 11/07/2025

ABSTRACT

Objective: To assess the current status of knowledge regarding injury prevention among residents in two communes of Vu Thu district, Thai Binh province, in 2024.

Subjects and methods: The study was conducted on 411 people in Minh Khai and Song Lang communes, Vu Thu district, Thai Binh province. Using a pre-designed questionnaire, the subjects were interviewed directly. The assessment of people's knowledge of accident and injury prevention was determined by each question, with the threshold being 70% or more of the total number of responses.

Results: Surveying 411 people showed that the knowledge of prevention of injury accidents was limited. Only 27.3% of people have knowledge about types of accidents; 67.4% of people have knowledge about the impact of injury accidents. Knowledge of prevention of injury accidents in labor and transportation respectively 83.9% and 79.3% respectively; meanwhile, in daily activities and for children under 5 years old only 28.5% and 28.2%. The more related analysis shows that the higher the education level, the more complete knowledge about injury accidents, with OR ranges from 1,611 to 5,168.

Conclusion: People lack comprehensive knowledge about injury prevention, especially in daily life and with children. The results emphasized the role of education in raising awareness and skills to prevent injury in the community.

Keywords: Injury, knowledge, prevention, Thai Binh.

*Corresponding author

Email: huyen2601ht@gmail.com **Phone:** (+84) 974735216 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2893**

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ PHÒNG CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TẠI 2 XÃ THUỘC HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2024

Trần Thị Khánh Huyền*, Mạch Thị Lan Anh, Phạm Thị Thảo Vy,
Hoàng Phúc Hiếu, Hoàng Thị Thùy Trang, Lee Je Jin, Đặng Thị Vân Quý

Trường Đại học Y Dược Thái Bình - 373 Lý Bôn, P. Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày nhận: 30/05/2025

Ngày sửa: 19/06/2025; Ngày đăng: 11/07/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích của người dân tại 2 xã thuộc huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2024.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu thực hiện trên 411 người dân tại 2 xã Minh Khai và Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Sử dụng bộ phiếu điều tra được thiết kế sẵn, phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu. Đánh giá kiến thức phòng chống tai nạn thương tích của người dân được xác định theo từng câu hỏi, với ngưỡng đạt là từ 70% tổng số ý trả lời trở lên.

Kết quả: Khảo sát 411 người dân cho thấy kiến thức phòng chống tai nạn thương tích còn hạn chế. Chỉ có 27,3% người dân có kiến thức về các loại tai nạn thương tích; 67,4% người dân có kiến thức về ảnh hưởng của tai nạn thương tích. Kiến thức phòng chống tai nạn thương tích trong lao động và giao thông lần lượt là 83,9% và 79,3%; trong khi đó, trong sinh hoạt và với trẻ em dưới 5 tuổi chỉ đạt 28,5% và 28,2%. Phân tích mối liên quan cho thấy trình độ học vấn càng cao thì kiến thức về tai nạn thương tích càng đầy đủ, với OR dao động từ 1,611 đến 5,168.

Kết luận: Người dân còn thiếu kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích, đặc biệt trong sinh hoạt và với trẻ em dưới 5 tuổi. Kết quả nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích trong cộng đồng.

Từ khóa: Tai nạn thương tích, kiến thức, phòng chống, Thái Bình.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích gây hậu quả nặng nề về sức khỏe, kinh tế và xã hội. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới năm 2019, có khoảng 4,4 triệu ca tử vong do tai nạn thương tích (TNTT) trên toàn cầu, chiếm 8% tổng số ca tử vong trong cùng thời điểm [1]. Tại Việt Nam, theo số liệu ước tính từ Bộ Y tế vào tháng 11/2019, mỗi ngày có khoảng 3600 ca mắc và 90 ca tử vong do TNTT [2]. Tại tỉnh Thái Bình, nghiên cứu của Phạm Anh Tuấn năm 2018, tỷ lệ TNTT tại 2 xã Vũ Hội và Vũ Chính thuộc huyện Vũ Thư là 14,6% với loại TNTT chủ yếu là tai nạn giao thông, tai nạn lao động và ngã [3]. Sự phát triển nhanh của xã hội cùng với sự thiếu hụt kiến thức phòng chống TNTT là nguyên nhân chính làm gia tăng nguy cơ TNTT tại địa phương.

Trước thực trạng đó, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải tiến hành một nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình truyền

thông giáo dục sức khỏe, góp phần giảm thiểu TNTT và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng kiến thức về phòng chống TNTT của người dân tại 2 xã Song Lãng và Minh Khai thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện từ tháng 6/2024 đến tháng 4/2025 tại xã Song Lãng và xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

*Tác giả liên hệ

Email: huyen2601ht@gmail.com Điện thoại: (+84) 974735216 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2893>

2.3. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: người dân sống, sinh hoạt, làm việc tại địa phương nghiên cứu trong thời gian ít nhất 1 năm và từ 18 tuổi trở lên; đồng ý tham gia nghiên cứu, có khả năng giao tiếp và hợp tác trong quá trình nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: người dân dưới 18 tuổi và không đồng ý tham gia nghiên cứu, không có khả năng giao tiếp, không hợp tác trong quá trình nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu áp dụng theo công thức tính cỡ mẫu ước lượng 1 tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(\varepsilon p)^2}$$

Trong đó:

+ n là cỡ mẫu tối thiểu;

+ α là mức ý nghĩa thống kê (α = 0,05); $Z_{1-\alpha/2}$ tính dựa trên giá trị α, sẽ có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$;

+ p là tỷ lệ người dân có kiến thức tốt về phòng chống TNTT dựa vào một nghiên cứu trước đó của Nguyễn Thị Chung và cộng sự là 15,9% [4];

+ ε là mức sai số tuyệt đối chấp nhận của tỷ lệ thu được từ mẫu ước lượng so với tỷ lệ thật, chọn ε = 23%. Thay vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu làm tròn là n = 385 người dân. Và thực tế, chúng tôi đã điều tra được 411 người dân, gồm 197 người dân xã Minh Khai và 214 người dân xã Song Lãng.

- Phương pháp chọn mẫu: lập danh sách các thôn thuộc hai xã, thống kê số hộ gia đình tại từng thôn. Số hộ gia đình cần điều tra ở mỗi thôn xác định dựa trên phương pháp chọn mẫu xác suất tỷ lệ với kích thước (PPS) cho đến khi đủ cỡ mẫu tối thiểu.

2.5. Nội dung, chỉ số nghiên cứu

- Nhóm thông tin của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, nghề nghiệp, trình độ học vấn.

- Nhóm kiến thức phòng chống TNTT: hiểu biết về các loại TNTT, hiểu biết các nguyên nhân gây TNTT, hậu quả gây TNTT, cách phòng chống TNTT.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

- Nghiên cứu sử dụng bộ phiếu điều tra được thiết kế sẵn, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Tại mỗi hộ gia đình, phỏng vấn trực tiếp chủ hộ hoặc một thành viên trong hộ gia đình đó từ 18 tuổi trở lên đồng ý, hợp tác nghiên cứu bằng phiếu điều tra.

- Tiêu chuẩn đánh giá: do chưa có tiêu chuẩn cụ thể về đánh giá kiến thức phòng chống TNTT nên chúng tôi đề xuất tiêu chí đánh giá kiến thức phòng chống TNTT của người dân được xác định theo từng câu

hỏi, với ngưỡng đạt là từ 70% tổng số ý trả lời trở lên.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập và phân tích bằng phần mềm EPI-DATA và SPSS 22.0.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

- Đề tài nghiên cứu được thông qua Hội đồng Khoa học Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Việc tiến hành nghiên cứu được sự đồng ý và cho phép của chính quyền địa phương và tự nguyện hợp tác của người dân tại địa bàn nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Trình độ học vấn					
Xã Minh Khai (n = 197)		Xã Song Lãng (n = 214)		Chung (n = 411)	
n	%	n	%	n	%
Tiểu học					
40	20,3	39	18,2	79	19,2
Trung học cơ sở					
106	53,8	83	38,8	189	46,0
Trung học phổ thông					
48	24,4	77	36,0	125	30,4
Trên trung học phổ thông					
3	1,5	15	7,0	18	4,4

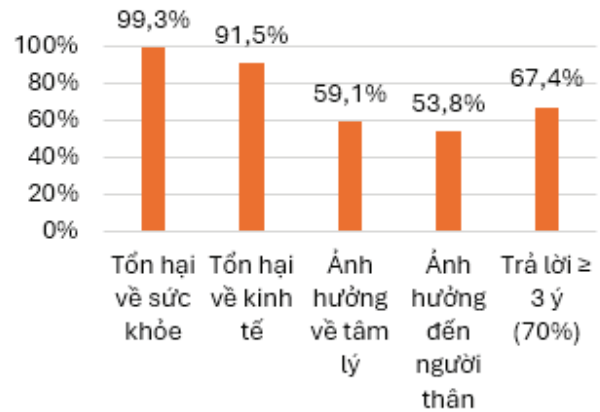
Bảng 1 cho thấy trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là trung học cơ sở (46%); tiếp đến là trung học phổ thông (30,4%); tiểu học (19,2%); trên trung học phổ thông chỉ chiếm 4,4%.

Bảng 2. Kiến thức của người dân về các loại TNTT đã biết

Loại TNTT					
Xã Minh Khai (n = 197)		Xã Song Lãng (n = 214)		Chung (n = 411)	
n	%	n	%	n	%
Tai nạn giao thông					
196	99,5	212	99,1	408	99,3
Điện giật					
129	65,5	141	65,9	270	65,7
Đuối nước					
146	74,1	165	77,1	311	75,7

Loại TNTT					
Xã Minh Khai (n = 197)		Xã Song Lãng (n = 214)		Chung (n = 411)	
n	%	n	%	n	%
Bỏng					
121	61,4	132	61,7	253	61,6
Ngộ độc					
21	10,7	71	33,2	92	22,4
Tự tử					
22	11,2	46	21,5	68	16,5
Ngã					
144	73,1	137	64,0	281	68,4
Tai nạn lao động					
171	86,8	170	79,4	341	83,0
Súc vật cắn					
88	44,7	124	57,9	212	51,6
Bạo hành					
14	7,1	29	13,6	43	10,5
Trả lời ≥ 7 ý (70%)					
41	20,8	71	33,2	112	27,3

Bảng 2 cho thấy đa phần người dân biết đến tai nạn giao thông (99,3%); tai nạn lao động (83,0%); đuối nước 75,7%; chỉ có 27,3% người dân có thể kể tên từ 7 loại TNTT trở lên.



Biểu đồ 1. Kiến thức của người dân về mức độ ảnh hưởng của TNTT

Biểu đồ 1 cho thấy người dân cho rằng TNTT chủ yếu gây tổn hại về sức khỏe (99,3%); tổn hại về kinh tế (91,5%); ảnh hưởng đến tâm lý (59,1%); ảnh hưởng đến người thân (53,8%). Có 67,4% người dân có kiến thức đạt về mức độ ảnh hưởng của TNTT.

Bảng 3. Kiến thức của người dân về phòng chống TNTT

Kiến thức về phòng chống TNTT		Xã Minh Khai (n = 197)		Xã Song Lãng (n = 214)		Chung (n = 411)	
		n	%	n	%	n	%
Trong giao thông	Đi đúng phần đường	185	93,9	169	79,0	354	86,1
	Đội mũ bảo hiểm	167	84,8	206	96,3	373	90,8
	Không sử dụng rượu bia	151	76,6	200	93,5	351	85,4
	Không phóng nhanh vượt ẩu	138	70,1	144	67,3	282	68,6
	Trả lời ≥ 3 ý (70%)	145	73,6	181	84,6	326	79,3
Trong lao động	Mang đầy đủ bảo hộ lao động	176	89,3	207	96,7	383	93,2
	Công cụ lao động đảm bảo kỹ thuật	188	95,4	198	92,5	386	93,9
	Đảm bảo sức khỏe người lao động	178	90,4	165	77,1	343	83,5
	Đảm bảo thời gian lao động	110	55,8	101	47,2	211	51,3
	Trả lời ≥ 3 ý (70%)	177	89,8	168	78,5	345	83,9

Kiến thức về phòng chống TNTT		Xã Minh Khai (n = 197)		Xã Song Lãng (n = 214)		Chung (n = 411)	
		n	%	n	%	n	%
Trong sinh hoạt	Nhà ở đảm bảo	49	24,9	123	57,5	172	41,8
	Điện an toàn	190	96,4	182	85,0	372	90,5
	Gas an toàn	179	90,9	150	70,1	329	80,0
	Nước sôi an toàn	192	97,5	153	71,5	345	83,9
	Tiêm phòng cho vật nuôi	80	40,6	86	40,2	166	40,4
	Khác (thức ăn đảm bảo)	0	0,0	1	0,5	1	0,2
	Trả lời ≥ 5 ý (70%)	60	30,5	57	26,6	117	28,5

Bảng 3 cho thấy kiến thức của người dân về các biện pháp phòng chống TNTT, cụ thể: 79,3% người dân kể được ít nhất 3 biện pháp phòng chống TNTT trong giao thông; 83,9% kể được từ 3 biện pháp trở lên trong lao động; tuy nhiên, chỉ 28,5% có thể kể được ít nhất 5 biện pháp phòng chống TNTT trong sinh hoạt.

Bảng 4. Kiến thức của người dân về phòng chống TNTT cho trẻ em dưới 5 tuổi

Phòng chống TNTT cho trẻ em dưới 5 tuổi	< Trung học phổ thông (n = 268)		$\geq$ Trung học phổ thông (n = 143)		Chung (n = 411)	
	n	%	n	%	n	%
Nhà ở đảm bảo	83	31,0	49	34,3	132	32,1
Nước sôi đảm bảo	241	89,9	117	81,8	358	87,1
Điện đảm bảo	232	86,6	109	76,2	341	83,0
Thức ăn đảm bảo	224	83,6	111	77,6	335	81,5
Tránh xa khu vực ao hồ	203	75,7	110	76,9	313	76,1
Tiêm phòng cho động vật nuôi	60	22,4	44	30,8	104	25,3
Trả lời ≥ 5 ý (70%)	72	26,9	44	30,8	116	28,2

Bảng 4 cho thấy khi được hỏi về các biện pháp phòng chống TNTT cho trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ người dân kể được từ 5 biện pháp trở lên chiếm 28,2%.

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức của người dân về phòng chống TNTT và trình độ học vấn (n = 411)

Kiến thức của người dân		< Trung học phổ thông	$\geq$ Trung học phổ thông	OR (95%CI)
Loại TNTT	Biết < 7 ý đúng	204	95	1,611 (1,031-2,517)
	Biết ≥ 7 ý đúng	64	48	
Ảnh hưởng của TNTT	Biết < 3 ý đúng	82	25	2,081 (1,257-3,443)
	Biết ≥ 3 ý đúng	186	118	
Phòng TNTT trong lao động	Biết < 3 ý đúng	56	10	3,513 (1,733-7,124)
	Biết ≥ 3 ý đúng	212	133	
Phòng TNTT trong giao thông	Biết < 3 ý đúng	75	10	5,168 (2,577-10,364)
	Biết ≥ 3 ý đúng	193	133	

Bảng 5 cho thấy kiến thức của người dân về phòng chống TNTT có mối liên quan với trình độ học vấn. Nhóm có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên có kiến thức phòng chống TNTT cao hơn so với nhóm dưới trung học phổ thông trong tất cả các nội dung, cụ thể: kiến thức về loại TNTT (OR = 1,611, 95%CI: 1,031-2,517), ảnh hưởng của TNTT (OR = 2,081, 95%CI: 1,257-3,443), phòng chống TNTT trong lao động (OR = 3,513; 95%CI: 1,733-7,124) và trong giao thông (OR = 5,168, 95%CI: 2,577-10,364). Các mối liên quan đều có ý nghĩa thống kê.

4. BÀN LUẬN

Chúng tôi khảo sát trên 411 người dân tại 2 xã Minh Khai và Song Lãng thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, trong đó 46% người dân có trình độ học vấn là trung học cơ sở, 30,4% là trung học phổ thông. So với kết quả nghiên cứu của Phạm Anh Tuấn điều tra năm 2018 thì kết quả của chúng tôi có sự chênh lệch không đáng kể [3]. Kết quả khảo sát về kiến thức của người dân đối với các loại TNTT ở bảng 2 cho thấy tai nạn giao thông được biết đến rộng rãi nhất (99,3%), tiếp theo là tai nạn lao động (83,0%), đuối nước (75,7%), ngã (68,4%), điện giật (65,7%) và bỏng (61,6%). Ngược lại, các loại TNTT ít phổ biến hơn như bạo hành (10,5%) và tự tử (16,5%) có tỷ lệ nhận biết thấp, phản ánh sự thiếu hụt kiến thức về các vấn đề sức khỏe tâm thần và xã hội tại địa bàn nghiên cứu. Đáng chú ý, 27,3% người dân có thể liệt kê từ 7 loại TNTT trở lên, cao hơn đáng kể so với các nghiên cứu của Phạm Anh Tuấn (2018) tại Thái Bình (7,7%) [3] và Nguyễn Thị Hiền (2020) tại Điện Biên (14,2%) [5]. Điều này phản ánh phần nào chiến dịch truyền thông cho người dân về TNTT trong những năm gần đây khá tốt.

Biểu đồ 1 cho thấy đa số người được hỏi đã nhận thức được rằng TNTT ảnh hưởng đến sức khỏe (99,3%) và kinh tế (91,5%). Tuy nhiên, chỉ có 59,1% cho rằng TNTT ảnh hưởng tâm lý và 53,8% thấy có tác động đến người thân. Điều này cho thấy nhận thức về hậu quả gián tiếp của TNTT còn hạn chế. Nguyên nhân có thể do nhiều trường hợp TNTT mà người dân chứng kiến đều khởi hoàn toàn, hoặc người dân chưa quan tâm đúng mức đến tổn thương tâm lý sau tai nạn.

Tai nạn giao thông là loại TNTT có tỷ lệ nhận biết bởi người được điều tra nhiều nhất, do đó kiến thức của người dân về phòng chống TNTT trong giao thông tương đối tốt. Cụ thể, có 86,1% người dân biết đến biện pháp đi đúng phần đường, 90,8% nhắc đến đội mũ bảo hiểm, 85,4% không dùng rượu bia, và 68,6% không phóng nhanh vượt ẩu. Đặc biệt, 79,3% trả lời từ 3 ý trở lên. So với nghiên cứu trước đây của Phạm Anh Tuấn (23,9%) [3] và Nguyễn Thị Hiền (38,0%) [5], kết quả của chúng tôi cao hơn rõ rệt, cho thấy kiến thức về TNTT trong giao thông đã được cải thiện đáng kể.

Kiến thức phòng chống TNTT trong lao động của người dân còn hạn chế. Bởi lẽ phần lớn người dân được điều tra có nghề nghiệp chủ yếu là làm nông, tiếp xúc nhiều với hóa chất và làm việc ngoài trời với thời gian dài, nhưng không ai nhắc đến nguy cơ từ thuốc bảo vệ thực vật hay say nắng. Chỉ 51,3% biết đến vai trò của việc đảm bảo thời gian lao động, và 83,9% trả lời đúng từ 3 ý trở lên, cho thấy nhận thức của người dân về an toàn trong lao động chưa được toàn diện.

Về hiểu biết phòng chống TNTT trong sinh hoạt, đa số người dân chỉ đề cập đến các nguy cơ phổ biến

như gas, điện, nước sôi; ít người nhắc đến an toàn thực phẩm hay thiết kế nhà ở, đề phòng súc vật cắn và không ai đề cập đến phòng chống tự tử. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm có khoảng 59.000 người chết vì bệnh dại, phần lớn là do chó bị bệnh dại cắn [6]. Do đó, công tác phòng chống TNTT do súc vật cắn được coi là vấn đề cấp thiết, đặc biệt tại các khu vực có mật độ vật nuôi cao như nông thôn. Và chỉ có 28,5% người được phỏng vấn trả lời được trên 5 ý, kết quả này cao hơn nghiên cứu của Phạm Anh Tuấn (18,2%), tuy nhiên đây vẫn là con số còn thấp [3].

Người dân có nhận thức tương đối tốt về một số biện pháp phòng chống TNTT cho trẻ em dưới 5 tuổi, đặc biệt là các biện pháp liên quan đến nước sôi (87,1%), điện (83,0%), thực phẩm (81,5%) và tránh xa ao hồ (76,1%). Tuy nhiên, các biện pháp khác như thiết kế nhà ở an toàn (32,1%) và tiêm phòng cho động vật nuôi (25,3%) lại ít được quan tâm. Chỉ 28,2% người dân có thể kể tên 5 biện pháp phòng ngừa trở lên. Điều này cho thấy người dân còn thiếu kiến thức về những nguy cơ tiềm ẩn đối với trẻ em - nhóm dễ bị TNTT do súc vật cắn bởi trẻ em thường hiếu động, thích vuốt ve hoặc trêu chọc động vật, chưa ý thức được nguy hiểm, dễ bị cắn hoặc cào gây TNTT.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra được mối liên quan rõ rệt giữa trình độ học vấn và kiến thức của người dân về phòng chống TNTT. Cụ thể, bảng 5 cho thấy nhóm có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên có kiến thức về các loại TNTT cao hơn 1,611 lần so với nhóm dưới trung học phổ thông (95%CI: 1,031-2,517). Sự chênh lệch càng thể hiện rõ khi xét đến kiến thức về ảnh hưởng của TNTT, với tỷ lệ đạt cao hơn 2,081 lần ở nhóm học vấn từ trung học phổ thông trở lên (95%CI: 1,257-3,443). Mối tương quan này càng trở nên nổi bật khi đánh giá kiến thức phòng chống TNTT trong các khía cạnh cụ thể. Theo đó, nhóm có trình độ từ trung học phổ thông trở lên có kiến thức phòng chống TNTT trong lao động cao hơn 3,513 lần (95%CI: 1,733-7,124) và trong giao thông cao hơn 5,168 lần (95%CI: 2,577-10,364) so với nhóm học vấn dưới trung học phổ thông. Những con số này không chỉ khẳng định vai trò của giáo dục trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp với từng nhóm dân cư. Việc tăng cường tiếp cận thông tin và nâng cao năng lực phòng tránh TNTT cho nhóm có trình độ học vấn thấp hơn là yếu tố then chốt nhằm giảm thiểu nguy cơ và tác động của TNTT trong cộng đồng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 411 người dân cho thấy người dân biết đến các loại TNTT phổ biến như: tai nạn giao thông (99,3%); tai nạn lao động (83,0%); đuối nước (75,7%). Có 27,3% người dân có kiến thức đầy đủ

về các loại TNTT, 67,4% hiểu về ảnh hưởng của TNTT. Kiến thức về phòng chống TNTT còn thấp, đặc biệt trong sinh hoạt (28,5%) và với trẻ em dưới 5 tuổi (28,2%), so với lao động (83,9%) và giao thông (79,3%). Trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên có mối liên hệ rõ rệt với kiến thức của người dân về phòng chống TNTT, với các tỷ số chênh (OR) lần lượt là: 1,611 đối với kiến thức về các loại TNTT, 2,081 về ảnh hưởng của TNTT, 3,513 về phòng chống trong lao động và 5,168 về phòng chống trong giao thông. Những số liệu này cho thấy giáo dục đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống TNTT, từ đó góp phần bảo vệ sức khỏe và an toàn cho cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization. Global Health Estimates: Life expectancy and leading causes of death and disability [online database]. Geneva: World Health Organization, accessed, 13/9/2024.
- [2] Bộ Y tế. Quyết định số 1652/QĐ-BYT ngày 23/3/2021 về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng của ngành y tế giai đoạn 2021-2025.
- [3] Phạm Anh Tuấn. Thực trạng và kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích tại hai xã tỉnh Thái Bình năm 2018, Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, 2019.
- [4] Nguyễn Thị Chung, Nguyễn Thị Kiều Anh, Nguyễn Quỳnh Hoa và cộng sự. Thực trạng kiến thức phòng chống tai nạn thương tích của người dân trên địa bàn Hà Nội năm 2018. Tạp chí Y học Cộng đồng, 2019, 6 (53), 67-73.
- [5] Nguyễn Thị Hiền. Thực trạng tai nạn thương tích và kiến thức phòng chống tai nạn thương tích của người dân xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên năm 2020, Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, 2021.
- [6] World Health Organization. Animal bites [online database]. Geneva: World Health Organization, accessed, 13/09/2024.